TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 9 - 2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Viết Hải
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Khắc Hoàn và ông Trần Ngọc Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 91/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh ngày 24/4/1985; CCCD số 044185011292, cấp ngày 14/5/2024; nơi cư trú: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Nay xã P, tỉnh Quảng Trị), có mặt.

Bị đơn: Anh Đàm Xuân N, sinh ngày 10/5/1980; CCCD số 044080004765; cấp ngày 19/04/2022; địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Nay xã Ph, tỉnh Quảng Trị); hiện trú tại: 8-3 G, M, Incheon, Hàn Quốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị và anh Đàm Xuân N có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã P, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 25/4/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2003 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cải nhau và anh N sống thiếu chung thủy. Vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2004, bỏ mặc không quan tâm đến nhau. Năm

2015, anh N đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, kể từ đó vợ chồng cắt đứt liên lạc, bỏ mặc, người nào tự lo cuộc sống của người đó. Hiện nay, chị T nhận thấy đời sống chung không tồn tại, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Vợ chồng chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý, không thể trở lại sống chung cùng nhau được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đàm Xuân N. Trước khi làm đơn xin ly hôn, chị T đã có bàn bạc với anh N về việc ly hôn vì cuộc sống hôn nhân thực tế không tồn tại, anh N đã đồng ý và hứa hẹn sẽ gửi giấy tờ về để chị T làm thủ tục ly hôn. Tuy nhiên, sau khi chị T nộp đơn xin ly hôn và được Tòa án thụ lý, chị T đã nhiều lần thúc giục anh N gửi văn bản nêu ý kiến về việc ly hôn cho Tòa án để có cơ sở giải quyết vụ án thì anh N lại thay đổi ý kiến, bỏ mặc chị T muốn làm gì thì làm. Do đó, chị T có yêu cầu đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử.

Về con chung: Chị Hoàng Thị T trình bày vợ chồng có 01 con chung cháu Đàm Hoa C, sinh ngày 10/11/2000. Hiện tại, con chung đã trưởng thành, trên 18 tuổi, nếu vợ chồng ly hôn cháu muốn sống cùng ai tùy cháu, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị T trình bày vợ chồng không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Đàm Xuân N hiện đang làm việc và cư trú tại nước ngoài: Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã có văn bản số 1677/CV-TAND ngày 25/6/2025 gửi cơ quan có thẩm quyền Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc để tống đạt các văn bản tố tụng và thu thập lời khai đối với anh N, đồng thời Tòa án yêu cầu niêm yết công khai và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán. Tuy nhiên, cho đến nay Tòa án không nhận được bất cứ thông tin phản hồi hoặc lời khai từ bị đơn anh Đàm Xuân N. Ngày 11/8/2025, Tòa án có Thông báo số 351/TB-TA gửi Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5), yêu cầu đăng tin thông báo cho anh Đàm Xuân N đang cư trú tại Hàn Quốc, về việc chị Hoàng Thị T xin ly hôn anh Đàm Xuân N tại Tòa án và Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5) đã đăng tin 03 lần trong 03 ngày liên tiếp.

Tại đơn trình bày ngày 02/6/2025 của ông Hoàng N (cậu ruột của anh Đàm Xuân N) trình bày: Ông là cậu ruột của anh Đàm Xuân N. Hiện anh N đã đi lao động ở Hàn Quốc nhiều năm, không có mặt tại địa phương. Địa chỉ cụ thể của anh N ở Hàn Quốc thì ông không rõ. Anh N vẫn thường xuyên liên lạc gọi điện về thăm hỏi gia đình ông. Bố mẹ của anh N đều đã qua đời, tại địa phương hiện nay có vợ chồng ông là thân nhân của anh N. Vợ chồng T, N kết hôn tự nguyện, có với nhau 01 con chung là Đàm Hoa C, sinh ngày 10/11/2000. Cháu Chi sống với chị T. Hiện nay chị T làm đơn xin ly hôn với anh N, khi nào anh N gọi điện về, ông sẽ báo cho anh N biết. Việc ly hôn của vợ chồng T, N ông không có ý kiến gì. Ông nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cam đoan sẽ thông báo cho anh N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Đàm Xuân N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Tại phiên tòa bị đơn anh Đàm Xuân N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh Đàm Xuân N; Về con chung: Đã trưởng thành, không xem xét; Về tài sản và nợ chung: đương sự không yêu cầu, nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị T có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Đàm Xuân N đang làm ăn, sinh sống tại nước ngoài, theo thông tin cung cấp của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh thì anh N đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh rời Việt Nam ngày 26/02/2023 qua sân bay Quốc tế Đà Nẵng, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Đây là vụ án có bị đơn là Công dân Việt Nam đang cư trú và làm việc tại nước ngoài. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự và quy định tại các Điều 123, 127 luật Hôn nhân và Gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Đàm Xuân N theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp, theo phương thức tống đạt đến cơ quan có thẩm quyền Văn phòng Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, để tống đạt các văn bản tố tụng và thu thập lời khai đối với anh N, đồng thời Tòa án yêu cầu niêm yết công khai và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh N trước khi xuất cảnh và tống đạt các văn bản tố tụng cho người thân của anh N. Ngày 11/8/2025, Tòa án có Thông báo số 351/TB-TA gửi Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5), yêu cầu đăng tin thông báo cho anh Đàm Xuân N đang cư trú tại Hàn Quốc, về việc chị Hoàng Thị T xin ly hôn anh Đàm Xuân N tại Tòa án và Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5) đã đăng tin 03 lần trong 03 ngày liên tiếp theo quy định tại khoản 1 Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng không nhận được thông tin phản hồi hoặc lời khai, tài liệu chứng cứ từ bị đơn N. Tòa án đã ra thông báo thay đổi thời gian xét xử. Ngày 27/8/2025, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, anh N vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh N vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Đàm Xuân N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã P, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 25/4/2002, tại giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 01/2002. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Đàm Xuân N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống cùng nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đở nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Nhưng do tính cách vợ chồng không hòa hợp, thiếu tin tưởng nhau về tình cảm và kinh tế, thiếu sự cảm thông, chia sẽ các công việc trong cuộc sống gia đình, nên thường xảy ra mâu thuẫn, có lời nói xúc phạm thiếu tôn trọng, cải vã nhau. Từ năm 2004, vợ chồng bắt đầu ly thân, mỗi người sống một nơi không quan tâm, lo lắng gì cho nhau, người nào lo công việc của người đó. Hiện nay, chị T khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm, không còn quan tâm gì đến nhau, không thể trở lại sống chung cùng nhau, nên chị T kiến quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đàm Xuân N; còn anh Đàm Xuân N đã được chị T nhắn tin qua Zalo và người thân gia đình thông báo cho anh biết việc chị T xin ly hôn anh tại Tòa án và được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định, thông báo qua kênh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài của Đài tiếng nói Việt Nam VOV5 và niêm yết văn bản tố tụng tại địa phương nơi cư trú của anh N trước khi xuất cảnh và tại Tòa án nhân dân tỉnh, nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T. Thể hiện, anh N không còn quan tâm gì đến gia đình, vợ con, để mặc chị T muốn làm gì thì làm, sống ra sao thì sống. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị T xin được ly hôn anh Đàm Xuân N là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị T và anh N có 01 con chung cháu Đàm Hoa C, sinh ngày 10/11/2000. Hiện con chung đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng khác: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153;

các Điều 228, 469, 474, 475; điểm b khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 123, 127 luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Đàm Xuân N. Hôn nhân của chị Hoàng Thị T và anh Đàm Xuân N chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Hoàng Thị T đã nộp tại biên lai số 0005357 ngày 11/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị), chị T đã nộp đủ.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Hoàng Thị T phải chịu 5.113.000 đồng tiền chi phí tố tụng (bao gồm 2.863.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và 2.250.000 đồng chi phí đăng tin trên kênh đối ngoại của Đài tiếng nói Việt Nam VOV5). Số tiền này chị T đã nộp đủ và chi phí hết.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn chị Hoàng Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Đàm Xuân N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã P, T.Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa DS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Dương Viết Hải